|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH QUẢNG TRỊ | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-SGDĐT | *Quảng Trị, ngày tháng năm 2024* |

**BÁO CÁO**

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập, trẻ em và giáo viên trong các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc tỉnh Quảng Trị**

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Trong những năm qua, Ngành Giáo dục và Đào tạo tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI “về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”; Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Luật Giáo dục ngày 14/6/2019. Một trong những quan điểm, giải pháp chỉ đạo xuyên suốt trong các văn bản này là đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, coi xã hội hóa giáo dục là một chỉ tiêu trong định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Các quan điểm, giải pháp đã được cụ thể hóa tại Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2025. Trong đó, giáo dục mầm non là một trong những lĩnh vực được khuyến khích xã hội hóa, phát triển giáo dục ngoài công lập, đặc biệt là ở các khu vực công nghiệp, khu chế xuất, những khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh.

Cụ thể hóa các quan điểm của Đảng về phát triển giáo dục mầm non, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, pháp luật liên quan trực tiếp đến giáo dục mầm non (GDMN), thể hiện qua các văn bản sau: Quyết định số 1677/QĐ-TTg ngày 03/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025, Quyết định số 33/QĐ-TTg ngày 08/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025; Nghị định số 06/2018/NĐ-CP ngày 05/01/2018 của Chính phủ về Quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non; Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo…

Căn cứ quy định tại khoản 3, Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước quy định về thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định định mức phân bổ và chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu ngân sách: “3. Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, ngân sách trung ương không hỗ trợ…”

Để có cơ sở pháp lý thực hiện nội dung và mức hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thục được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp; trợ cấp đối với trẻ mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, việc trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết là cần thiết và đúng nhiệm vụ được giao.

**2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

a) Mục tiêu tổng thể: Phù hợp với quy định của Đảng, Nhà nước và của ngành trong bối cảnh hiện nay. Đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và khả năng ngân sách của địa phương. Thu hút, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển giáo dục mầm non, góp phần đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục đối với lĩnh vực giáo dục mầm non trên địa bàn. Khuyến khích đội ngũ giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp yên tâm công tác. Đáp ứng nguyện vọng của đông đảo người lao động ở các khu công nghiệp có con theo học ở các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục và góp phần thực hiện mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi theo Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

b) Mục tiêu cụ thể: Quy định cụ thể nội dung, mức hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thục được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp; trợ cấp đối với trẻ mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**1. Chính sách 1: Chính sách hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

1.1. Xác định vấn đề bất cập

Lĩnh vực phát triển giáo dục mầm non luôn được Đảng, Nhà nước và các địa phương quan tâm, thể hiện qua việc xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện các chính sách. Sau khi Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non có hiệu lực, chính quyền các cấp đã quan tâm triển khai thực hiện và đạt kết quả tốt. Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, bên cạnh những chính sách đã quy định cụ thể tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, Hội đồng nhân nhân tỉnh, UBND tỉnh theo thẩm quyền đã ban hành nhiều văn bản tạo hành lang pháp lý để triển khai thực hiện các chính sách đầu tư, ưu tiên phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn, cụ thể như: Nghị quyết số 101/2021/NQ-HĐND ngày 16/07/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập từ năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết số 32/2023/NQ- HĐND ngày 28/03/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định chế độ miễn tiền thuê đất đối với các cơ sở xã hội hóa sử dụng đất đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 10/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị quy định danh mục lĩnh vực và địa bàn khuyến khích xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2023-2025; ... Việc ban hành, triển khai thực hiện các chính sách đã góp phần củng cố, phát triển mạng lưới trường, lớp; tăng cường cơ sở vật chất, bổ sung thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi cho các cơ sở giáo dục mầm non; góp phần xây dựng môi trường nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tốt hơn, tạo tiền đề cơ bản để nâng cao chất lượng giáo dục mầm non

Tuy nhiên, các chính sách đã triển khai chủ yếu đối với lĩnh vực công và các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập có quy mô lớn; riêng chính sách đối với các cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nơi có nhiều lao động theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 105/NĐ-CP đến thời điểm này chưa được triển khai. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến công tác xã hội hóa giáo dục trên địa bàn tiến triển chậm; chưa khuyến khích, thu hút tối đa các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển giáo dục mầm non.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Quy định cụ thể mức hỗ trợ, tạo cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thục được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị để trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em. Tạo môi trường học tập tốt hơn, an toàn hơn cho trẻ; góp phần mở rộng việc thu hút các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia đầu tư phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn.

1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Cấp có thẩm quyền quy định hình thức, mức hỗ trợ cụ thể đối với các cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị để trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em. Hình thức và mức hỗ trợ theo một trong hai phương án sau:

- Phương án 1: Hỗ trợ 01 lần, mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

- Phương án 2: Hỗ trợ 01 lần, mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/nhóm trẻ độc lập quy mô tối đa 07 trẻ; hỗ trợ 01 lần, mức hỗ trợ 25.000.000 đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập có quy mô từ 08 - 25 trẻ; hỗ trợ 01 lần, mức hỗ trợ 30.000.000 đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập có quy mô trên 25 trẻ.

Cơ sở đề xuất các phương án:

- Hiện nay, toàn tỉnh có 105 cơ sở giáo dục mầm non độc lập đóng trên địa bàn có khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trong đó có 03 cơ sở giáo dục mầm non đáp ứng các điều kiện để được hỗ trợ. Trong thời gian tới, quá trình triển khai Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh được thành lập và mở rộng quy mô hoạt động, đội ngũ công nhân, người lao động tăng, quy mô cơ sở GDMN độc lập và số lượng trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh sẽ tăng; dự báo đến năm 2030, có khoảng từ 135 đến 150 cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trên địa bàn có khu công nghiệp, cụm công nghiệp, trong đó có từ 10 đến 15 cơ sở đáp ứng các điều kiện để được hỗ trợ.

- Đối với mức hỗ trợ đề xuất theo Phương án 1, căn cứ mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP; mức hỗ trợ không phân biệt về quy mô nhóm, lớp đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập; kinh phí dự kiến để hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập đáp ứng các điều kiện quy định khoảng 60.000.000 đồng (đối với năm học 2024 - 2025) và khoảng từ 140.000.000 đồng đến 240.000.000 đồng (số liệu dự báo đến năm học 2030 - 2031, không tính các cơ sở độc lập đã được hỗ trợ 1 lần ở các năm học trước).

- Đối với mức hỗ trợ đề xuất theo Phương án 2, căn cứ mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, phù hợp với quy mô nhóm, lớp theo quy định tại Điều lệ Trường mầm non hiện hành và Thông tư số 49/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập loại hình dân lập và tư thục; đồng thời, phù hợp với định mức tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu theo quy định tại Điều 18 Thông tư số 49/2021/TT-BGDĐT, định mức sử dụng đồ dùng, đồ chơi, học liệu, tài liệu và thiết bị dạy học quy định tại Điều 19 Thông tư số 49/2021/TT-BGDĐT và Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục Đồ dùng - Đồ chơi - Thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non. Theo Phương án này, kinh phí dự kiến để hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục mầm non độc lập đáp ứng các điều kiện quy định hằng năm khoảng 75.000.000 đồng (hỗ trợ 1 lần đối với năm học 2024 - 2025) và khoảng từ 185.000.000 đồng đến 315.000.000 đồng (số liệu dự báo đến năm học 2030 - 2031, không tính các cơ sở độc lập đã được hỗ trợ 1 lần ở các năm học trước).

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

1.4.1. Phương án 1: Hỗ trợ 01 lần, mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

- Tác động tích cực: Các cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục đảm bảo các điều kiện được hỗ trợ một mức như nhau, không phân biệt về quy mô; mức hỗ trợ theo mức tối thiểu quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương trong giai đoạn hiện nay. Việc ban hành chính sách tạo cơ sở pháp lý để các địa phương triển khai hỗ trợ; các cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp, cụm công nghiệp đáp ứng các điều kiện được tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi đảm bảo nhu cầu vui chơi của trẻ và triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non; đồng thời, góp phần thu hút các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia đầu tư phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn.

- Tác động tiêu cực:Định mức sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho các nhóm, lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo dựa trên quy mô của cơ sở giáo dục và số lượng trẻ em trong trong mỗi nhóm, lớp. Do đó, việc hỗ trợ một mức như nhau dẫn đến quyền lợi của trẻ em không giống nhau khi học ở các cở sở giáo dục có quy mô khác nhau.

1.4.2. Phương án 2: Hỗ trợ 01 lần, mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/nhóm trẻ độc lập quy mô tối đa 07 trẻ; hỗ trợ 01 lần, mức hỗ trợ là 25.000.000 đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập có quy mô từ 08 - 25 trẻ; hỗ trợ 01 lần, mức hỗ trợ là 30.000.000 đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập có quy mô trên 25 trẻ.

- Tác động tích cực: Mức hỗ trợ đảm bảo quy định tại Điều 5 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương trong giai đoạn hiện nay và đảm bảo định mức hỗ trợ theo quy mô nhóm, lớp và số lượng trẻ, tạo được sự công bằng cho trẻ học tập tại các cơ sở giáo dục khác nhau. Việc ban hành chính sách tạo cơ sở pháp lý để các địa phương triển khai hỗ trợ; các cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp, cụm công nghiệp đáp ứng các điều kiện được tăng cường về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi, góp phần thực hiện có hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non, đảm bảo quyền lợi của trẻ và thu hút các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia đầu tư phát triển giáo dục mầm non trên địa bàn.

- Tác động tiêu cực: Khi các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn phát triển, thu hút nhiều lao động đến làm việc và cư trú trên địa bàn, nhu cầu đưa trẻ đến trường lớn, nhiều cơ sở giáo dục độc lập dân lập, tư thục đảm bảo các điều kiện tăng, đòi hỏi nguồn kinh phí hỗ trợ lớn, có thể ảnh hưởng đến khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.

1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Đề nghị lựa chọn phương án 2: Hỗ trợ 01 lần, mức hỗ trợ 20.000.000 đồng đối với nhóm trẻ độc lập quy mô tối đa 07 trẻ; hỗ trợ 01 lần, mức hỗ trợ là 25.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập có quy mô từ 08 - 25 trẻ; hỗ trợ 01 lần, mức hỗ trợ là 30.000.000 đồng đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập có quy mô trên 25 trẻ.

- UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết có nội dung quy định mức hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thục được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**2. Chính sách 2: Chính sách trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

2.1. Xác định vấn đề bất cập

Theo quy định tại Chương III Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, có 02 chính sách đối với trẻ em mầm non, gồm: **Chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo và chính sách trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp. Đây là hai chính sách có ý nghĩa nhân văn cao, góp phần phát triển giáo dục mầm non tại những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, những nơi dịch vụ giáo dục công chưa đáp ứng, góp phần rút ngắn khoảng cách giáo dục giữa các vùng, miền, tạo sự công bằng trong hưởng thụ các dịch vụ giáo dục, đồng thời tạo sự yên tâm cho công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp tổ chức lao động, sản xuất tạo ra nhiều giá trị cho xã hội. Sau khi** Nghị định số 105/2020/NĐ-CP có hiệu lực**, chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo đã được triển khai thực hiện kịp thời và đạt được nhiều kết quả quan trọng, đặc biệt đối với việc nâng cao tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi mẫu giáo đến trường và chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em mẫu giáo. Tuy nhiên, đối với chính sách trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, đến thời điểm hiện tại, chưa được triển khai thực hiện, do mức hỗ trợ quy định tại** Nghị định số 105/2020/NĐ-CP **thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh, đã ảnh hưởng không nhỏ đến quyền lợi của trẻ em, cũng như kinh tế của các gia đình công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp.**

2.2. Xác định mục tiêu giải quyết vấn đề

Đảm bảo quyền lợi cho trẻ mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; tạo sự công bằng trong tiếp cận, hưởng thụ các dịch vụ giáo dục mầm non.

2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Xây dựng, ban hành văn bản quy định mức hỗ trợ cho trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định, có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định, để có cơ sở triển khai thực hiện trên địa bàn. Mức hỗ trợ theo một trong hai phương án sau:

- Phương án 1: Hỗ trợ 160.000 đồng/trẻ/tháng (một trăm sáu mươi ngàn đồng một tháng). Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học; trường hợp trẻ đi học dưới 15 ngày/tháng được trợ cấp 1/2 (một phần hai) tháng, đi học từ 15 ngày trở lên/tháng được trợ cấp bằng 01 tháng.

- Phương án 2: Hỗ trợ 200.000 đồng/trẻ/tháng (hai trăm ngàn đồng một tháng). Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học; trường hợp trẻ đi học dưới 15 ngày/tháng được trợ cấp 1/2 (một phần hai) tháng, đi học từ 15 ngày trở lên/tháng được trợ cấp bằng 01 tháng.

Cơ sở đề xuất các phương án:

- Phương án 1: Đề xuất trên cơ sở mức tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP.

- Phương án 2: Đề xuất trên cơ sở đạt mức tối thiểu quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, đồng thời tính đến yếu tố bù trượt giá và cải cách tiền lương để đảm bảo phù hợp với mức sinh hoạt thực tế. Cụ thể: Tại thời điểm Nghị định số 105/2020/NĐ-CP có hiệu lực, mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng/tháng (theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang), mức hỗ trợ tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP là 160.000 đồng/trẻ/tháng, tương ứng 10,74% của mức lương cơ sở. Hiện nay, mức lương cơ sở là 1.800.000 đồng/tháng (theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang); mức đề xuất 200.000 đồng/trẻ/tháng tương ứng với 11,1% mức lương cơ sở hiện nay, phù hợp với dự kiến thực hiện chính sách cải cách tiền lương từ ngày 01/7/2024.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

2.4.1. Phương án 1: Hỗ trợ 160.000 đồng/trẻ/tháng (một trăm sáu mươi ngàn đồng một tháng). Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

- Tác động tích cực: Mức hỗ trợ đạt mức tối thiểu quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, tương đồng với mức hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và khả năng cân đối ngân sách của địa phương trong giai đoạn hiện nay. Mức hỗ trợ được thông qua là cơ sở quan trọng để các địa phương, các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện chính sách trợ cấp cho trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục. Góp phần nâng cao tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi mầm non đến trường, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em; tạo tiền đề để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo dưới 05 tuổi; **đồng thời tạo sự yên tâm cho công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp tổ chức lao động, sản xuất tạo ra nhiều giá trị cho xã hội.**

- Tác động tiêu cực: Không.

2.4.2. Phương án 2: Hỗ trợ 200.000 đồng/trẻ/tháng (hai trăm ngàn đồng một tháng). Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

- Tác động tích cực: Mức hỗ trợ này cao hơn mức tối thiểu quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và mức hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, do đã tính đến yếu tố tăng lương tối thiểu vùng và tăng lương cơ sở so với thời điểm ban hành chính sách vào năm 2020. Số lượng trẻ được hưởng chính sách không nhiều (Theo thống kê, năm 2024, 141 trẻ thuộc đối tượng được hưởng và dự báo đến năm 2030, có khoảng 864 trẻ được hưởng) nên mức hỗ trợ này phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh. Mức hỗ trợ được thông qua là cơ sở quan trọng để các địa phương, các cơ sở giáo dục triển khai thực hiện chính sách trợ cấp cho trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục; góp phần nâng cao tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi mầm non đến trường, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em; tạo tiền đề để thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo dưới 05 tuổi; **đồng thời tạo sự yên tâm cho công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp tổ chức lao động, sản xuất tạo ra nhiều giá trị cho xã hội.**

- Tác động tiêu cực: Khi các văn bản của Chính phủ chưa sửa đổi, bổ sung, có sự chênh lệch giữa **chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo và chính sách trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp.**

2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Đề nghị lựa chọn phương án 2: Hỗ trợ 200.000 đồng/trẻ/tháng (hai trăm ngàn đồng một tháng), tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/ năm học; trường hợp trẻ đi học dưới 15 ngày/tháng được trợ cấp 1/2 (một phần hai) tháng, đi học trên 15 ngày/tháng sẽ được trợ cấp bằng 01 tháng. Lí do: Mức hỗ trợ đề xuất đảm bảo mức tối thiểu quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP; có tính đến lộ trình tăng lương tối thiểu vùng và tăng lương cơ sở cũng như quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về cải cách tiền lương; đảm bảo chính sách được triển khai lâu dài trên địa bàn.

- UBND tỉnh trình Hội động nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết có nội dung quy định mức hỗ trợ cho trẻ mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**3. Chính sách 3: Chính sách hỗ trợ giáo viên mầm non làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

3.1. Xác định vấn đề bất cập

Chính sách đối với giáo viên mầm non được quy định tại Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Chương IV Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, gồm 03 chính sách: **Chính sách đối với giáo viên mầm non dạy lớp ghép, tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số; Chính sách đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp; Chính sách hỗ trợ tài liệu và chi phí tập huấn đối với giáo viên mầm non dân lập, tư thục**. Trong thời gian qua và hiện nay, các địa phương trên địa bàn tỉnh đã triển khai thực hiện có hiệu quả **chính sách đối với giáo viên mầm non dạy lớp ghép, tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số và chính sách hỗ trợ tài liệu và chi phí tập huấn đối với giáo viên mầm non dân lập, tư thục**; góp phần quan trọng trong việc thu hút giáo viên công tác tại các vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, nâng cao chất lượng đội ngũ. Riêng chính sách đối với **giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp chưa được triển khai thực hiện, do chưa xác định được mức hỗ trợ; đã** tác động không nhỏ đến tâm tư tình cảm, nguyện vọng và chưa khuyến khích, thu hút được đội ngũ giáo viên công tác tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp.

3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Xác định cụ thể mức hỗ trợ để có cơ sở triển khai thực hiện chính sách đối với mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đảm bảo các điều kiện theo quy định. Đáp ứng được tâm tư, nguyên vọng của đội ngũ giáo viên, tạo điều kiện để họ yên tâm công tác, cống hiến.

3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

Ban hành quy định cụ thể mức hỗ trợ cho giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đảm bảo các điều kiện theo quy định để có cơ sở triển khai thực hiện chính sách. Mức hỗ trợ theo một trong hai phương án sau:

- Phương án 1: Hỗ trợ 800.000 đồng/tháng (tám trăm nghìn đồng một tháng). Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học; trường hợp giáo viên dạy học dưới 15 ngày/tháng được hỗ trợ 1/2 (một phần hai) tháng, dạy học từ 15 ngày trở lên/tháng được hỗ trợ bằng 01 tháng. Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Số lượng giáo viên trong các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục được hưởng hỗ trợ được tính theo định mức quy định đối với cơ sở giáo dục mầm non công lập hiện hành.

- Phương án 2: Hỗ trợ 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng một tháng). Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học; trường hợp giáo viên dạy học dưới 15 ngày/tháng được hỗ trợ 1/2 (một phần hai) tháng, dạy học từ 15 ngày trở lên/tháng được hỗ trợ bằng 01 tháng. Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Số lượng giáo viên trong các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục được hưởng hỗ trợ được tính theo định mức quy định đối với cơ sở giáo dục mầm non công lập hiện hành.

Cơ sở đề xuất các phương án:

- Phương án 1: Đề xuất trên cơ sở mức tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP. Kinh phí dự kiến hỗ trợ từ nay đến năm 2030, hằng năm khoảng từ 43.200.000 đồng đến 144.000.000 đồng, tương ứng với số giáo viên được hỗ trợ là 6 người (nếu áp dụng từ năm học 2024 - 2025), mức hỗ trợ tăng dần qua các năm, dự báo đến năm học 2030 - 2031 toàn tỉnh có 20 giáo viên thuộc đối tượng được thụ hưởng chính sách.

- Phương án 2: Đề xuất trên cơ sở đạt mức tối thiểu quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, đồng thời tính đến yếu tố bù trượt giá và cải cách tiền lương để đảm bảo phù hợp mức sinh hoạt thực tế. Cụ thể: Tại thời điểm Nghị định số 105/2020/NĐ-CP có hiệu lực, mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng/tháng (theo Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang); mức lương tối thiểu vùng lần lượt là: 4.420.000 đồng/tháng đối với vùng I; 3.920.000 đồng/tháng đối với vùng II; 3.430.000 đồng/tháng đối với vùng III; 3.070.000 đồng/tháng đối với vùng IV (Theo Nghị định số 90/2019/NĐ-CP ngày 15/11/2019 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động). Hiện nay, mức lương cơ sở là 1.800.000 đồng/tháng theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang); mức lương tối thiểu vùng lần lượt là: 4.680.000 đồng/tháng đối với vùng I; 4.160.000 đồng/tháng đối với vùng II; 3.640.000 đồng/tháng đối với vùng III; 3.250.000 đồng/tháng đối với vùng IV (Theo Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động). Mức lương hiện nay so với thời điểm Nghị định số 105/2020/NĐ-CP tăng 20,8% đối với lương cơ sở; tăng từ 180.000 đến 210.000 đồng đối với mức lương tối thiểu. Mức hỗ trợ 800.000 đồng/tháng xấp xỉ 54% mức lương cơ sở tại thời điểm năm 2020; mức đề xuất 1.000.000 đồng/tháng xấp xỉ 55,5% mức lương cơ sở tại thời điểm hiện tại; mức chênh lệch 200.000 đồng giữa phương án đề xuất so với mức tối thiểu nằm trong khoảng tăng mức lương tối thiểu vùng đối với vùng IV và vùng III hiện nay so với mức lương tối thiểu năm 2020 áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Với phương án này, kinh phí dự kiến hỗ trợ từ nay đến năm 2030, hằng năm khoảng từ 54.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng, tương ứng với số giáo viên được hỗ trợ là 6 người (nếu áp dụng từ năm học 2024 - 2025), mức hỗ trợ tăng dần qua các năm, dự báo đến năm học 2030 - 2031 toàn tỉnh có 20 giáo viên thuộc đối tượng được thụ hưởng chính sách.

3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và đối tượng khác có liên quan

3.4.1. Phương án 1: Hỗ trợ 800.000 đồng/tháng (tám trăm nghìn đồng một tháng). Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

- Tác động tích cực: Mức hỗ trợ đảm bảo mức tối thiểu quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương trong giai đoạn hiện nay. Mức hỗ trợ được thông qua là cơ sở để các địa phương, cơ sở giáo bố trí kinh phí, huy động các nguồn lực hợp pháp để hỗ trợ cho đội ngũ giáo viên; đáp ứng được tâm tư, nguyện vọng và khuyến khích, thu hút được đội ngũ giáo viên công tác tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp.

- Tác động tiêu cực:Mức hỗ trợ thấp, chưa phù hợp với giá cả thị trường và lộ trình tăng lương, có thể dẫn đến không thu hút, khuyến khích đội ngũ giáo viên yên tâm công tác tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

3.4.2. Phương án 2: Hỗ trợ 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng một tháng). Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

- Tác động tích cực: Mức hỗ trợ đáp ứng yêu cầu tối thiểu quy định tại Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương, đã tính đến yếu tố bù trượt giá và cải cách tiền lương. Chính sách được ban hành sẽ góp phần giải quyết được những khó khăn về kinh tế cho đội ngũ giáo viên đang công tác tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đảm bảo các điều kiện theo quy định; từng bước giảm được khoảng cách về chênh lệch nguồn thu nhập giữa khu vực công và khu vực tư; là nguồn động lực, thu hút giáo viên công tác trong các loại hình cơ sở giáo dục này.

- Tác động tiêu cực: Khi kinh tế của tỉnh phát triển, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp được thành lập nhiều hơn, thu hút nhiều lao động đến làm việc trên địa bàn, dẫn đến nhu cầu đưa trẻ vào các cơ sở mầm non độc lập tăng cao. Để đáp ứng điều kiện chăm sóc, giáo dục trẻ theo định mức số lượng giáo viên sẽ tăng, nguồn kinh phí hỗ trợ lớn, ảnh hưởng đến khả năng cân đối ngân sách hằng năm của địa phương.

3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn

- Đề nghị lựa chọn phương án 2: Hỗ trợ 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng một tháng). Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học; trường hợp giáo viên dạy học dưới 15 ngày/tháng được hỗ trợ ½ tháng, dạy học từ 15 ngày trở lên/tháng, được hỗ trợ bằng 01 tháng. Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp. Số lượng giáo viên trong các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục được hưởng hỗ trợ được tính theo định mức quy định tính theo định mức quy định đối với cơ sở giáo dục mầm non công lập hiện hành. Lí do: Mức hỗ trợ này phù hợp quan điểm, chủ trương cải cách tiền lương của Đảng, Nhà nước và mức tăng lương tối thiểu vùng; đảm bảo mức tối thiểu quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP và đã tính đến yếu tố bù đắp trượt giá.

- UBND tỉnh trình Hội động nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết có nội dung quy định mức hỗ trợ cho giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đảm bảo những điều kiện sau: Có trình độ chuẩn đào tạo chức danh giáo viên mầm non theo quy định; có hợp đồng lao động với người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhóm trẻ/lớp mẫu giáo có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

**III. Ý KIẾN THAM VẤN**

Ngày ..../4/2024, Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Công văn số ...../SGDĐT-GDTH-GDMN về việc tham gia ý kiến dự thảo văn bản quy phạm pháp luật gửi các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia ý kiến về dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ trẻ mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hỗ trợ các cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp, cụm công nghiệp, ở nơi có nhiều lao động thuộc loại hình dân lập, tư thục được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Sở Giáo dục và Đào tạo nhận được ý kiến tham gia của cơ quan, đơn vị về chính sách và tiếp thu, giải trình ý kiến cụ thể có tại Phụ lục I kèm theo Báo cáo.

**IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ**

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

- Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tổ chức, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện chính sách; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chính sách và báo cáo UBND tỉnh và cấp thẩm quyền theo quy định.

**V. PHỤ LỤC**

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Trị trân trọng báo cáo./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** | **GIÁM ĐỐC** |
| - Thường trực HĐND tỉnh Quảng Trị *(báo cáo)*;- UBND tỉnh Quảng Trị *(báo cáo)*;- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;- Giám đốc, các PGĐ Sở GDĐT;- Các phòng thuộc Sở GDĐT;- Lưu: VT, GDMN. | **Lê Thị Hương** |